

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 763/TTr-TNMT ngày 28/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Đại Kim, địa chỉ trụ sở chính tại khu phố Xuân Bình, phường Đại Xuân, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khu dân cư mới xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam” tại thôn Huê Vện 1, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: “Khu dân cư mới xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam”.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Đại Kim.

1.3. Địa điểm hoạt động: Khu phố Xuân Bình, phường Đại Xuân, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2300240599, do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/9/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/4/2023.

Công văn số 3000/UBND-XD ngày 05/9/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chủ trương tổ chức đầu tư xây dựng các dự án khu dân cư bóm dọc tuyến đường tỉnh trên địa bàn huyện Hiệp Hoà, Lục Nam (Trong đó có Dự án “Khu dân cư mới xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam”);

Công văn số 655/UBND-KT&HT ngày 19/6/2018 của UBND huyện Lục Nam về nhất trí cho Công ty TNHH Đại Kim làm chủ đầu tư dự án “Khu dân cư mới xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam”.

1.5. Mã số thuế: 2300240599

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam; kinh doanh bất động sản đối với phần quỹ đất ở (phân lô, bán nền) nhà nước giao cho nhà đầu tư thanh toán dự án BT.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại thôn Huê Vận 1, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích là 69.372 m².

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội trong phạm vi ranh giới của dự án theo quy hoạch chi tiết Khu dân cư mới xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam được UBND huyện Lục Nam phê duyệt tại Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 25/12/2018, gồm các hạng mục: San nền; đường giao thông nội bộ; hệ thống thoát nước mặt, thoát nước thải; hệ thống cấp điện sinh hoạt; hệ thống cấp điện, chiếu sáng công cộng; bãi đỗ xe; hệ thống thông tin liên lạc; cây xanh trên hè đường; khuôn viên cây xanh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đại Kim được

cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Đại Kim có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Đại Kim có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu dân cư mới xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam” tại thôn Huê Vân 1, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Đại Kim làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Lục Nam, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Khu dân cư mới xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam” tại thôn Huê Vân 1, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Đại Kim được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1124/QĐ-TNMT ngày 08/11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Đại Kim được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của

dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam, Công ty TNHH Đại Kim và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Đại Kim (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nguồn phát sinh nước thải: 01 nguồn**

Nước thải sinh hoạt của các hộ dân và các công trình công cộng trong khu vực dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày được thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu ngòi Bảo Đài của xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí tại kênh tiêu ngòi Bảo Đài tại Cầu Khô (K1+00), xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Toạ độ vị trí xả nước thải X = 2362343.2; Y = 430854.1 (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 150 m³/ngày đêm, tương đương khoảng 6,25 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm của dự án đạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B) được xả vào kênh tiêu ngòi Bảo Đài tại Cầu Khô (K1+00), xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam qua đường ống HDPE D300 với chiều dài khoảng 13m, cống BTCT D600 dài khoảng 96m, cống BTCT D800 dài khoảng 69m và cống BTCT D1000 dài 206m theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào kênh tiêu ngòi Bảo Đài tại Cầu Khô (K1+00), xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNM T, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2, Điều 97 – Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

+ Nước thải sinh hoạt của các hộ dân và công trình công cộng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 10m³/bể đối với các hộ gia đình và 12 m³/bể đối với các công trình thương mại, văn hóa) sẽ theo đường ống PVC D110 có tổng chiều dài khoảng 267m chảy vào hệ thống rãnh B400 sau nhà.

+ Bố trí các hố ga có khoảng cách khoảng 50 - 80 m đối với rãnh B400 sau nhà và khoảng 20 - 30 m đối với công tròn BTCT D300 trên vỉa hè đảm bảo thu gom toàn bộ khối lượng nước thải hộ gia đình, công trình công cộng.

+ Sử dụng hệ thống rãnh B400 sau nhà có tổng chiều dài khoảng 1002,04 m và công tròn BTCT D300 đặt ngầm trên vỉa hè có tổng chiều dài khoảng 444 m để thu gom toàn bộ nước thải của dự án, chảy về trực chính thoát nước nằm trên tuyến số 1, sau đó chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm, đặt tại lô CX02 phía Nam dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt

sau khi xử lý sơ bộ → Bể gom → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí +MBBR → Bể lắng → Kênh tiêu ngòi Bảo Đài tại Cầu Khô (K1+00), xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam (nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 150m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất khử trùng (Clo dạng viên nén): 547,5 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

* Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác, ... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

* Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt QCCP. Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể xả thải, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra và điều chỉnh lại định mức hóa chất tại bể trung hòa và hiệu quả lắng của bể lắng.

- Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 09/2025 đến tháng 12/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ 01 vị trí nước thải đầu vào tại bể gom nước thải

+ 01 vị trí tại hố ga sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải, trước khi xả thải ra Kênh tiêu ngòi Bảo Đài, xã Bảo Sơn.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B) (Chi tiết theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

STT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào tại bể gom nước thải	Lấy mẫu đơn 01 lần. Thời gian dự kiến: Ngày 15/9/2025	pH, BOD ₅ (20°C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H ₂ S), amoni (tính theo N), nitrat (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (tính theo P), tổng coliforms.	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
2	01 vị trí tại hố ga sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải, trước khi xả thải ra	Lấy mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp với tần suất 01 ngày/lần. Thời gian cụ thể như sau: -Lần 1: 15/09/2025 -Lần 2:	pH, BOD ₅ (20°C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H ₂ S), amoni (tính theo N), nitrat (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)

Kênh tiêu ngòi Bảo Đài, xã Bảo Sơn.	16/09/2025 -Lần 17/09/2025	3:	mặt, phosphat (tính theo P), tổng coliforms.
--	----------------------------------	----	--

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra môi trường tiếp nhận là Kênh tiêu ngòi Bảo Đài, xã Bảo Sơn. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án và đơn vị được bàn giao quản lý dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 nguồn**

- Phát sinh từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiều 3^0).

- Phát sinh từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tọa độ X = 2362187.5; Y = 430560.0.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

+ Đặt cố định, chắc chắn để chống rung, lắp đặt thiết bị giảm thanh, chống ồn.
+ Đối với máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải được xây riêng biệt; được bảo dưỡng thường xuyên; đặt cố định, chắc chắn để chống rung, lắp đặt thiết bị giảm thanh, đặt thiết bị trong phòng cách âm, chống ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	15
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	30
3	Pin, ắc quy thải	20
4	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	30
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	32
Tổng		127

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bùn dư từ bể xử lý sơ bộ: 42,4 m³/năm.
- Bùn từ trạm xử lý nước thải tập trung khoảng 16m³/ năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt của dự án phát sinh khoảng 530 kg/ngày, thành phần chủ yếu là bao bì, thức ăn thừa, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 04 thùng rác có nắp đậy, dung tích 240 lít/thùng để thu gom, lưu chứa riêng biệt từng loại chất thải nguy hại. Trên thùng chứa đều được dán tên, mã số, dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại: Không bố trí

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ gia đình không nhiều và không liên tục, các hộ gia đình có trách nhiệm phân loại, thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh. Đơn vị được giao quản lý dự án phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-

BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình quản lý, vận hành dự án được lưu giữ tại nhà điều hành trạm xử lý nước thải có diện tích $8m^2$, kết cấu BTCT, có mái che, cửa khóa. Đơn vị được giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyên và xử lý theo quy định (tần suất: 1 năm/lần).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 20 thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 240l/thùng và trang bị 05 xe đẩy rác loại $1m^3$ đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh hằng ngày.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Khu tập kết rác thải sinh hoạt diện tích $80m^2$ (kích thước $4m \times 20m$). Thiết kế nền bê tông xi măng M250 đá 2×4 .

Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ dự án (từ hoạt động quản lý, vận hành và các hộ gia đình tại dự án) sẽ được tổ vệ sinh môi trường của khu dân cư thu gom, vận chuyên bằng xe đẩy rác loại $1m^3$ đến khu tập kết rác thải của dự án. Đơn vị được giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyên đem chất thải đi xử lý theo quy định hiện hành. Tần suất thu gom: 01 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Công ty TNHH Đại Kim có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án đảm bảo xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả ra ngoài môi trường; không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 763/TTr-TNMT ngày 28/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường./.